

Điều 2. — Những cán bộ đã được cơ quan có trách nhiệm công nhận là cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945, lâu nay vẫn ở xã, phường, thị trấn, được hưởng các chế độ sau đây:

— Cứ mỗi năm hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945, được phụ cấp hàng tháng 20 đồng. Điều này thay cho điều 1 trong quyết định số 296-CP ngày 20-11-1978 của Hội đồng Chính phủ.

— Được cấp phiếu vải và phiếu (hoặc sò) lương thực theo tiêu chuẩn và giá bán như cán bộ về hưu.

— Những cán bộ hoạt động cách mạng từ năm 1935 trở về trước được cấp mỗi tháng 300 đồng; hoạt động cách mạng từ năm 1936 đến trước cách mạng tháng 8 năm 1945, được cấp mỗi tháng 200 đồng (thay cho việc cấp phiếu thực phẩm).

Điều 3. — Tất cả các cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945 đã về hưu hoặc lâu nay vẫn ở xã, phường, thị trấn đều được cấp thường xuyên một tờ báo của địa phương (trừ những người đã được cấp báo Nhân dân); được hưởng chế độ khám bệnh, chữa bệnh theo tiêu chuẩn bệnh viện Việt-Xô; khi từ trần nếu còn người thân phải nuôi dưỡng (là vợ, chồng hoặc con chưa đến tuổi lao động, con bị tàn tật không có khả năng lao động) thì gia đình được hưởng các chế độ đã quy định ở điều 1 và 2 thêm 6 tháng, sau đó, chính quyền địa phương có trách nhiệm trợ giúp để bảo đảm đời sống.

Những cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945 lâu nay vẫn ở xã, phường, thị trấn, khi từ trần thì gia đình được cấp mai táng phí như cán bộ về hưu.

Điều 4. — Quyết định này thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1984. Riêng phiếu

thực phẩm và phiếu (hoặc sò) lương thực thì cấp phát từ tháng nào, hưởng từ tháng ấy.

Điều 5. — Bộ Thương binh và xã hội, sau khi thỏa thuận với Bộ Tài chính và Ban Tổ chức Trung ương, hướng dẫn thi hành quyết định này.

Điều 6. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 1984

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỢU

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 39 — TC/NSDP ngày 26-9-1984 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 138-HĐBT ngày 19-11-1983 về việc xây dựng và quản lý ngân sách xã.

Thi hành nghị quyết số 138-HĐBT ngày 19-11-1983 về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương. Bộ Tài chính hướng dẫn việc đẩy mạnh xây dựng và đưa ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước thống nhất trong cả nước như sau:

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐẦY MẠNH XÂY DỰNG NGÂN SÁCH XÃ VÀ ĐƯA NGÂN SÁCH XÃ VÀO DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.

Theo Hiến pháp quy định, hệ thống tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước ta có 4 cấp là trung ương, tỉnh, huyện, xã.

Xã là đơn vị hành chính cơ sở của Nhà nước ở nông thôn và chính quyền Nhà nước cấp xã là cơ quan quản lý Nhà nước ở xã. Để bảo đảm cho chính quyền Nhà nước cấp xã có phương tiện tài chính, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở xã, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Điều lệ ngân sách xã kèm theo nghị định số 64-CP ngày 8-4-1972.

Đến nay, trong cả nước đã có 85% số xã xây dựng được ngân sách xã. Nhiều xã đã tích cực khai thác tiềm năng ở xã về đất đai, tài nguyên thiên nhiên và lao động ngành nghề ở xã, từng bước tạo ra nguồn thu cho ngân sách xã. Chính quyền cấp xã đã sử dụng vốn ngân sách xã để xây dựng được nhiều công trình phục vụ lợi ích công cộng ở xã, phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội, góp phần tích cực xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa và củng cố chính quyền cấp xã.

Tuy nhiên, phong trào xây dựng ngân sách xã chưa được đồng đều trong cả nước và còn những khuyết nhược điểm cần khắc phục:

1. Chính quyền Nhà nước cấp tỉnh, quận, huyện (dưới đây gọi tắt là huyện) chưa thật quan tâm đầy đủ giúp chính quyền cấp xã đẩy mạnh xây dựng ngân sách xã, ra sức khai thác tiềm năng tại xã để phát triển nguồn thu cho ngân sách xã.

Đến nay còn 15% số xã trong cả nước chưa xây dựng được ngân sách xã; nhiều xã vẫn còn trông chờ vào trợ cấp của ngân sách cấp trên để chi tiêu.

2. Việc quản lý ngân sách xã chưa được chặt chẽ; một số địa phương (tỉnh, huyện) còn buông lỏng việc quản lý ngân sách xã. Nhiều khoản thu chưa được khai thác, bồi dưỡng để tăng thu cho ngân sách; chi tiêu còn chưa tiết kiệm, chưa theo đúng chính sách chế độ, định mức chung của Nhà nước.

3. Ngân sách xã chưa được tổng hợp vào ngân sách Nhà nước nên chưa phản ánh đầy đủ tình hình thu chi của cả nước và trên từng địa bàn lãnh thổ trong ngân sách Nhà nước.

Để khắc phục những khuyết nhược điểm trên, cần đẩy mạnh xây dựng ngân sách xã và từng bước đưa ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước nhằm:

a) Từng bước hoàn chỉnh hệ thống ngân sách Nhà nước bao gồm 4 cấp ngân sách là trung ương, tỉnh, huyện, xã.

b) Tạo điều kiện cho ngân sách huyện thật sự hoàn chỉnh bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã trong huyện.

c) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và tăng cường quản lý ngân sách xã theo đúng điều lệ ngân sách xã ban hành kèm theo nghị định số 64-CP ngày 8-4-1972 của Hội đồng Chính phủ.

II. TỔNG HỢP THU CHI NGÂN SÁCH XÃ VÀO DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Nghị quyết số 138-HĐBT đã quy định «... Trước mắt, phải đưa vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước những khoản thu mà ngân sách xã được hưởng theo đúng chính sách chế độ Nhà nước quy định (thu về giao nộp nông sản, thu về thuế nông nghiệp và thuế công thương

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-6-3845 6684

nghiệp, thu sự nghiệp và lệ phí, trợ cấp của ngân sách huyện, v.v...) và những khoản chi theo đúng chính sách, chế độ Nhà nước quy định thuộc trách nhiệm chi của ngân sách xã (trợ cấp cán bộ xã, chi về hành chính, giáo dục, y tế, v.v...)

Căn cứ theo điều lệ ngân sách xã thì ngân sách xã được phản ánh theo mục lục ngân sách riêng và hạch toán riêng theo chế độ kế toán ngân sách xã. Ngân sách xã có các khoản thu thường xuyên và thu không thường xuyên, chi thường xuyên và chi không thường xuyên. Vì vậy, việc đưa ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước là một việc làm mới mẻ, phức tạp.

Khi đưa ngân sách xã vào ngân sách Nhà nước đòi hỏi phải tiến hành một số việc thống nhất từ trung ương đến xã như phải hoàn thiện tổ chức quản lý ngân sách Nhà nước, quy định lại mục lục ngân sách, tổ chức lại công tác thống kê kế toán và chấn chỉnh lại công tác quản lý quỹ ngân sách tại Ngân hàng Nhà nước để vươn lên quản lý đến tận các xã... Do vậy, việc đưa ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước phải tiến hành từng bước.

Trước mắt việc đưa thu chi ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm tiến hành theo trình tự và phương pháp cụ thể sau :

1. Hàng năm cùng với việc lập dự án ngân sách huyện, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các xã trong huyện lập và xét duyệt dự án ngân sách xã trên tinh thần phát huy cao độ ý thức tự lực, tự cường, tinh chủ động sáng tạo, tích cực khai thác khả năng tại chỗ để tăng thu và bố trí hợp lý chi tiêu, từng bước bảo đảm tự cân đối được ngân sách xã.

2. Các khoản thu chi ngân sách xã hiện nay được lập và quyết toán theo mục lục ngân sách xã, chưa thống nhất với mục lục ngân sách Nhà nước. Để bảo đảm việc tổng hợp các khoản thu chi ngân sách xã

vào ngân sách Nhà nước khớp đúng với mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành, Bộ hướng dẫn tạm thời việc sắp xếp như dưới đây :

A. Về thu :

1. Đưa vào loại II «Thu sự nghiệp» của mục lục ngân sách Nhà nước những khoản thu dưới đây của ngân sách xã :

— Tiền lâm sản phụ đưa vào khoản 36, hạng 1.

— Thu lệ phí đồ đưa vào khoản 43, hạng 2.

— Thu về các buổi biểu diễn văn nghệ thể dục thể thao đưa vào khoản 47, hạng 1.

— Thu về sự nghiệp truyền thanh đưa vào khoản 50.

— Thu về hoa lợi công sản đưa vào khoản 52.

— Thu về sự nghiệp giáo dục đưa vào khoản 56, hạng 1.

— Thu về sự nghiệp y tế (hoa hồng bán thuốc, lãi sản xuất thuốc, thu tiền góp về y tế của các hợp tác xã và các hộ ngoài hợp tác xã thu hồi vốn dược) đưa vào khoản 56, hạng 4.

2. Đưa vào loại III «Thuế thu vào khu vực tập thể và cá thể» của mục lục ngân sách Nhà nước những khoản thu dưới đây của ngân sách xã :

— Thuế hàng hóa (nông sản lẻ tẻ) — khoản 60.

— Thuế doanh nghiệp và lợi tức doanh nghiệp hợp tác xã sản xuất nông nghiệp kiêm thủ công nghiệp — khoản 61 và 62 theo số thuế của từng xã.

— Thu 30% lãi hợp tác xã mua bán xã — khoản 63 (bao gồm khoản thu 20% lãi do hợp tác xã trích nộp thuộc nguồn thu cố định của ngân sách xã — khoản 2 — loại IA và khoản thu 10% lãi hợp tác xã mua bán nộp lên huyện và huyện điều tiết cho ngân sách xã — khoản 14 — loại IIA).

— Thuế buôn chuyển — khoản 64.

— Thuế sát sinh (phần mỡ thịt súc vật tại xã và phần bán súc vật mỡ thịt cho Nhà nước) — khoản 65.

— Thu phần trăm (%) thuế muối — khoản 69.

— Thu phần trăm (%) thuế nông nghiệp tính theo từng vụ thu khoản 72 «Thuế nông nghiệp vụ đông năm trước» và khoản 73 «Thuế nông nghiệp vụ hạ năm nay».

3. Đưa vào loại IV «Thu khác» của mục lục ngân sách Nhà nước các khoản thu dưới đây của ngân sách xã :

— Thu hồi các khoản vốn của ngân sách xã đưa vào khoản 10.

— Các khoản thu về phạt vi cảnh, bán hàng tịch thu, v.v... đưa vào khoản 82, hạng 2.

— Các khoản thu lệ phí giấy tờ, bán tài sản rải rác của xã, thu hồi các khoản chi năm trước, thu tiền cho thuê tài sản đưa vào khoản 82, hạng 3.

— Thu do nhân dân tự nguyện đóng góp đưa vào khoản 82, hạng 7.

4. Đưa vào loại V «Thu kết dư» của mục lục ngân sách Nhà nước khoản thu kết dư năm trước của ngân sách xã.

5. Đưa vào loại VIII «Thu điều chỉnh» của mục lục ngân sách Nhà nước những khoản thu dưới đây của ngân sách xã :

— Thu trợ cấp đặc biệt (trợ cấp xây dựng thủy lợi, giao thông, trường học, trạm xá, các công trình khác) đưa vào khoản 92, hạng 1.

— Thu trợ cấp thường xuyên (trợ cấp sinh hoạt phí của cán bộ xã, trợ cấp chi thường xuyên) đưa vào khoản 92, hạng 2.

— Thu phần trăm (%) giao nộp nông sản đưa vào khoản 93.

B. Về chi:

1. Đưa vào loại I «Chi kiến thiết kinh tế» của mục lục ngân sách Nhà nước những khoản chi dưới đây của ngân sách xã :

— Chi về trồng cây, bảo vệ cây, chi về xây dựng vườn ươm giống cây đưa vào khoản 7, hạng 4.

— Chi về nuôi cá đưa vào khoản 9, hạng 7.

— Làm mới và sửa chữa lớn công trình thủy lợi ở xã đưa vào khoản 10, hạng 3.

— Quản lý bảo vệ các công trình thủy lợi của xã đưa vào khoản 10, hạng 15.

— Làm mới và sửa chữa lớn công trình giao thông ở xã (cầu, đường, đò, bến đò) đưa vào khoản 14, hạng 14.

— Tu sửa cầu đường đưa vào khoản 14, hạng 16.

— Quản lý bến đò đưa vào khoản 14, hạng 25.

— Làm mới và sửa chữa lớn trụ sở, nhà họp và các công trình khác của xã khoản 26, hạng 14.

— Làm mới và sửa chữa lớn quán chợ, quản lý quán chợ và chi khác về sự nghiệp kinh tế khoản 31, hạng 15.

2. Đưa vào loại II «Chi về văn hóa, y tế, xã hội» của mục lục ngân sách Nhà nước những khoản chi dưới đây của ngân sách xã :

— Trợ cấp cho các trường mẫu giáo khoản 32, hạng 1; làm mới và sửa chữa lớn trường học, kiến thiết khác về giáo dục khoản 32, hạng 2; chi sự nghiệp khác về giáo dục khoản 32, hạng 7.

— Trợ cấp các lớp bồi túc văn hóa khoản 33, hạng 7.

— Chi y tế xã, làm mới và sửa chữa lớn trạm xá, cửa hàng dược, kiến thiết khác về y tế và chi sự nghiệp y tế (kê cả thuốc phòng) khoản 43, hạng 2.

— Chi về sách báo, câu lạc bộ, thể dục thể thao, làm mới và sửa chữa lớn các công trình văn xã như câu lạc bộ, nhà truyền thống khoản 45, hạng 1.

— Làm mới và sửa chữa lớn trạm phát thanh khoản 48, hạng 1; chi về truyền thanh khoản 48, hạng 3.

— Tu sửa nghĩa trang liệt sĩ khoản 49, hạng 7.

— Trợ cấp khó khăn cho cán bộ xã, chi cứu tế nhân dân, trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc, trợ cấp sinh đẻ cho cán bộ xã, mai táng phí và các khoản chi khác khoản 53, hạng 2.

3. Đưa vào loại VI «Chi về quản lý hành chính» của mục lục ngân sách Nhà nước các khoản chi dưới đây của ngân sách xã:

Trợ cấp cán bộ xã (cán bộ chuyên trách, cán bộ không chuyên trách), chi về mua sắm đồ đạc dụng cụ và vật rẻ tiền mau hỏng của ngân sách xã; công vụ phí thường xuyên (văn phòng phí, hội nghị phí, công tác phí, bữa phí, khánh tiết, tiếp khách) khoản 61.

4. Đưa vào loại VI «Chi khác» của mục lục ngân sách Nhà nước các khoản chi dưới đây của ngân sách xã:

— Chi về dân quân tự vệ, nghĩa vụ quân sự, dân quân trực chiến, dân quân truy quét phun rô, huấn luyện dân quân... khoản 66, hạng 2.

— Tài vụ phí (thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp), giải thưởng thi đua, các khoản chi phòng chống bão lụt, phòng hỏa khoản 66, hạng 6.

5. Dự bị phí của ngân sách xã đưa vào loại IX «Tổng dự bị phí» khoản 80 của mục lục ngân sách Nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương của Hội đồng Bộ trưởng về xây dựng và

quản lý ngân sách xã theo tinh thần, nội dung trên, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương:

1. Trong khi chờ nghiên cứu sửa đổi lại mục lục ngân sách Nhà nước, sổ sách kế toán, biểu mẫu lập dự toán và quyết toán ngân sách xã cho phù hợp với yêu cầu đưa các khoản thu chi ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước, cần chỉ đạo các xã lập dự toán ngân sách xã 1985, bảo đảm khai thác tích cực các nguồn thu tại xã, phản ánh đầy đủ các khoản thu theo chế độ chung của Nhà nước, sắp xếp bố trí chi tiêu với tinh thần hết sức tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực.

Năm 1984 do triển khai chậm, nên chỉ thống nhất tổng hợp vào ngân sách huyện (ở phần thu và phần chi) tất cả các khoản thu thường xuyên của ngân sách xã, thực hiện theo chính sách chế độ chung của Nhà nước quy định, bao gồm:

— Khoản thu theo phần trăm (%) thuế nông nghiệp,

— Khoản thu theo phần trăm (%) thuế công thương nghiệp,

— Khoản thu theo phần trăm (%) thuế muối,

— Khoản thu theo phần trăm (%) giao nộp nông, lâm, thủy hải sản lên cấp trên.

a) Toàn bộ số thu về thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, thuế muối, khuyến khích giao nộp nông, lâm, thủy hải sản tại xã đều phải nộp cả 100% vào ngân sách Nhà nước (thông tư số 8-TC/NSDP ngày 7-3-1984 của Bộ Tài chính).

b) Sau khi toàn bộ số thu đã thực nộp vào quỹ ngân sách Nhà nước, phòng tài chính giá cả huyện căn cứ vào phần điều

tiết cho ngân sách huyện (kể cả cho các xã) và tỷ lệ điều tiết do huyện quy định cho từng xã đối với từng nguồn thu để tính toán xác định và trích quỹ ngân sách huyện chuyển trả cho ngân sách các xã (ghi vào loại khoản, hạng tương ứng của mục lục ngân sách Nhà nước).

Tất cả số thu được điều tiết quy định trên cho ngân sách từng xã dùng để đáp ứng cho những nhu cầu chi thường xuyên của ngân sách xã. Thu của xã nào dành cho xã ấy chi tiêu, Ủy ban nhân dân huyện không nên điều hòa cho xã khác. Trường hợp xã chi thường xuyên còn thừa, thì xã được sử dụng vào việc đầu tư xây dựng các công trình phục vụ lợi ích công cộng của xã; nếu còn có xã thật sự thiếu không đủ chi thường xuyên thì huyện xét trợ cấp cho ngân sách xã để bảo đảm các nhu cầu chi cần thiết.

Ngoài những khoản thu điều tiết nói trên, ngân sách xã còn có những khoản thu khác như thu về hoa lợi công sản, thu về lệ phí đồ, chợ... tạm thời năm 1984 chưa tổng hợp vào ngân sách huyện. Các khoản thu này tỉnh, huyện cần chỉ đạo, hướng dẫn các xã tích cực khai thác, tính toán xác định đầy đủ để ghi vào dự toán ngân sách xã, tổ chức quản lý chặt chẽ để đáp ứng các yêu cầu chi tiêu của xã và thực hiện chế độ quyết toán ngân sách xã theo đúng chế độ hiện hành đã quy định.

Việc tổng hợp các khoản thu chi ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách huyện theo đúng những quy định hướng dẫn tại phần II của thông tư này được thi hành kể từ ngân sách năm 1985.

2. Xây dựng và quản lý ngân sách xã là một công tác phức tạp, là sự nghiệp của toàn dân trong xã. Trong những năm qua, việc xây dựng ngân sách xã đã đạt được những kết quả đáng kể, tạo điều kiện từng bước bảo đảm xây dựng xã ngày càng vững mạnh; song phong trào xây dựng ngân sách xã chưa thật vững, chưa đều, nhiều

khả năng sẵn có tại xã chưa được chú ý khai thác đúng mức. Nguồn thu của ngân sách một số xã chưa được phát triển, huyện còn phải trợ cấp khá nhiều cho xã để bảo đảm chi tiêu.

Do đó, Ủy ban nhân dân các cấp cần hết sức coi trọng, quan tâm chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ các xã tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và quản lý ngân sách xã tại địa phương theo đúng điều lệ ngân sách xã ban hành kèm theo nghị định số 64-CP ngày 8-4-1972 của Hội đồng Chính phủ để trong một thời gian ngắn nhất tất cả các xã trong cả nước đều có ngân sách xã, đưa công tác quản lý thu chi ngân sách xã đi dần vào nề nếp, thực hiện thống nhất quản lý tài chính Nhà nước, khắc phục tư tưởng ỷ lại vào ngân sách cấp trên, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tinh chủ động của xã trong việc khai thác mọi tiềm năng để phát triển nguồn thu, triệt để tiết kiệm chi tiêu, thúc đẩy các xã vươn lên tự cân đối được các yêu cầu chi ở xã bằng các nguồn thu phát triển tại xã.

3. Để đáp ứng những yêu cầu mới về đẩy mạnh xây dựng, quản lý ngân sách xã và đưa ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp cần nhanh chóng kiện toàn bộ máy chuyên trách công tác ngân sách xã ở Sở Tài chính và Phòng tài chính giá cả huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đồng thời chỉ đạo các xã kiện toàn tổ chức Ban tài chính xã theo đúng quyết định số 112-HĐBT ngày 15-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng và chăm lo bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ tài chính xã.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có gì vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu bổ sung thích hợp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 1984

Bộ trưởng Bộ Tài chính

CHU TAM THỨC

PHỤ LỤC

Sắp xếp các khoản thu eni ngân sách xã vào dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước.

(Ban hành kèm theo thông tư số 39-TC/NSDP ngày 26-9-1984).

I. PHẦN THU.

Loại	Khoản	Hạng	Ngân sách xã	Loại	Khoản	Hạng	Ngân sách Nhà nước
				II			Thu sự nghiệp
IIA	15		Thu tỷ lệ lâm sản phụ		36		Thu về sự nghiệp lâm nghiệp
IA	4		Thu lệ phí đò		43	1	Thu về tiền bán lâm sản
IA	8	1	Thu về các buổi biểu diễn văn nghệ		47	2	Thu sự nghiệp giao thông
IA	8	2	Thu về sự nghiệp truyền thanh		47	1	Thu về phá đò
IA		1	Thu hoa lợi công sản		50		Thu về sự nghiệp văn hóa
IA	6		Thu sự nghiệp giáo dục		52		Thu về nghệ thuật
IA	7		Thu về sự nghiệp y tế:		56		Thu về phát thanh truyền thanh, truyền hình
		1	Thu về hoa hồng bán thuốc và lãi sản xuất thuốc				Thu về bán tài sản và công sản
		2	Thu tiền góp y tế của các hợp tác xã và các hộ cá thể				Thu về các sự nghiệp khác
		3	Thu hồi vốn được				Thu về sự nghiệp giáo dục
				III			Thu về sự nghiệp khác
							-nt-
							-nt-
							-nt-
							Thuế thu vào khu vực tập thể và cá thể
IIA	13	1	Thuế hàng hóa (nông sản lẻ tẻ)		60	5	Thuế hàng hóa

1	2	3	4	5	6	7	8
IIA	13	2	Thuế doanh nghiệp và lợi tức doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp kiêm doanh thủ công nghiệp		61	2	Thuế doanh nghiệp
IA	2		Thu 20% lãi hợp tác xã mua bán xã		63		Trích lãi hợp tác xã mua bán xã
IIA	14		Thu 10% lãi hợp tác xã mua bán xã				
IA	3		Thu 10% lãi hợp tác xã tín dụng		63		Trích lãi hợp tác xã
IIA	13	3	Thuế buôn chuyển		64		Thuế buôn chuyển
IIA	12		Thuế sát sinh		65		Thuế sát sinh
						1	Hợp tác xã mua bán xã
						2	Hợp tác xã nông nghiệp
						3	Tư nhân
IIA	16		Thu phần trăm thuế muối		69		Thuế muối
IIA	11		Thu phần trăm thuế nông nghiệp (theo từng vụ)		72		Thuế nông nghiệp vụ đông năm trước
						1	Phần hợp tác xã đóng
						2	Phần nông dân cá thể đóng
					73		Thuế nông nghiệp vụ hạ năm nay
						1	Phần hợp tác xã đóng
						2	Phần nông dân cá thể đóng
				IV			Thu khác
IA	9		Thu hồi các vốn cũ khác do ngân sách xã cấp		80	2	Thu hồi các khoản chi năm trước
IA	10	4	Các khoản thu khác (phạt vi cảnh, bán hàng tịch thu ...)		82	2	Thu khác
IA	5		Thu lệ phí chợ			3	Thu về tài sản tịch thu
	10		Thu khác:				Các khoản linh tinh khác
		1	Lệ phí giấy tờ				- nt -
		2	Bán tài sản rải rác				- nt -
		3	Thu hồi các khoản chi trước				- nt -
IIIB	3		Thu của nhân dân tự nguyện đóng góp		82	7	Thu do nhân dân đóng góp
				V			Thu kết dư
IIB	2		Thu kết dư năm trước chuyển sang		83		Thu kết dư năm trước của ngân sách địa phương

1	2	3	4	5	6	7	8
				VIII			Thu điều chỉnh
IVB	4		Trợ cấp xây dựng thủy lợi		92	1	Thu trợ cấp Thu về trợ cấp vốn kiến thiết cơ bản
	5		Trợ cấp xây dựng giao thông				- nt -
	6		Trợ cấp xây dựng trường học				- nt -
	7		Trợ cấp xây dựng trạm xá				- nt -
	8		Trợ cấp xây dựng công trình khác				- nt -
IIIA	20		Thu trợ cấp theo chế độ			2	Thu về trợ cấp đề cân đối ngân sách
	21		Thu trợ cấp chênh lệch chi thường xuyên				- nt -
IIA	17		Thu phần trăm khuyến khích giao nộp nông sản		93		Thu về giao nộp nông sản

II. PHẦN CHI

Loại	Khoản	Hạng	Ngân sách xã	Loại	Khoản	Hạng	Ngân sách Nhà nước
				I			Chi về kiến thiết kinh tế
IA	1	1	Trồng cây bảo vệ cây		7	4	Chi về lâm nghiệp Chi về trồng rừng
IA	1	2	Xây dựng vườn ươm giống cây				- nt -
IA	1	3	Chi về nuôi cá			9	Chi về nông nghiệp
IB	1		Làm mới và sửa chữa lớn các công trình thủy lợi của xã		10	7	Chi về nuôi cá và phổ biến giống cá Chi về thủy lợi
IA	2		Quản lý bảo vệ các công trình thủy lợi của xã			3	Chi về công trình thủy nông
IB	2		Chi làm mới và sửa chữa lớn các công trình giao thông của xã		14	15	Các khoản chi khác về sự nghiệp thủy lợi Chi về giao thông vận tải
						14	Chi về xây dựng cầu đường mới

1	2	3	4	5	6	7	8
IA	3	1	Bảo dưỡng cầu đường			16	Chi về duy tu đường sá
IA	3	2	Quản lý bến đò			25	Chi về sự nghiệp khác của giao thông vận tải
IIIB	8		Làm mới, sửa chữa lớn trụ sở, nhà họp và các công trình khác của xã		26		Chi về kiến thiết thị chính và sửa chữa nhà ở
						4	Chi về xây dựng trụ sở nhà ở
					31		Chi về kiến thiết kinh tế khác
IB	3		Làm mới, sửa chữa lớn quán chợ			15	Chi về kiến thiết kinh tế khác
IA	4	1	Quản lý chợ				
IA	4	2	Chi khác về sự nghiệp kinh tế				-nt-
				II			Chi về văn giáo, y tế, xã hội
					32		Chi về giáo dục phổ thông
IIA	5	1	Trợ cấp chênh lệch cho các trường mẫu giáo			1	Chi về các lớp mẫu giáo
IIIB	4	1	Làm mới, sửa chữa lớn trường học			2	Chi về trường phổ thông cấp I và II
IIIB	4	2	Kiến thiết khác về giáo dục				-nt-
IIA	5	3	Sự nghiệp khác về giáo dục			7	Chi về sự nghiệp giáo dục khác
					33		Chi về bồi túc văn hóa
IIA	5	2	Trợ cấp chênh lệch cho bồi túc văn hóa			7	Chi khác về bồi túc văn hóa
IIA	6	1	Trợ cấp cán bộ y tế xã				
					43		Chi về sự nghiệp y tế
IIA	6	2	Sự nghiệp khác về y tế			2	Chi về chữa bệnh
IIA	6	3	Quản lý cửa hàng dược của xã				-nt-
					5		Các khoản chi sự nghiệp khác của y tế
					45		Chi về sự nghiệp văn hóa và thông tin
IIA	7	1	Sách báo				Chi về sự nghiệp văn hóa
IIA	7	3	Câu lạc bộ, văn nghệ, thể dục thể thao			1	
							-nt-
IIIB	6	1	Làm mới, sửa chữa lớn câu lạc bộ nhà truyền thống				-nt-
IIIB	7		Làm mới, sửa chữa lớn các công trình văn hóa khác				-nt-
					48		Chi về truyền thanh, truyền hình
IIIB	6	2	Làm, mới sửa chữa lớn trạm phát thanh			1	Chi về phát thanh

1	2	3	4	5	6	7	8
IIA	7	2	Truyền thanh		53	3	Chi về truyền thanh Chi về cứu tế xã hội
IIA	8	1	Trợ cấp khó khăn cán bộ xã			2	Chi về cứu tế xã hội
IIA	8	2	Cứu tế nhân dân				- nt -
IIA	9	1	Trợ cấp cán bộ già yếu nghỉ việc				- nt -
IIA	9	2	Trợ cấp sinh đê cho cán bộ xã				- nt -
IIA	9	3	Mai táng phi				- nt -
IIA	9	4	Tu sửa nghĩa trang liệt sĩ		49	7	Chi khác về thương binh, liệt sĩ
IIA	9	5	Khác				- nt -
				IV			Chi về quản lý hành chính
IIIA	10		Trợ cấp cán bộ xã :		61		Chi về cơ quan hành chính
		1	Cán bộ chuyên trách				- nt -
		2	Cán bộ không chuyên trách				- nt -
IIIA	11		Công vụ phí thường xuyên :				
		1	Văn phòng phí				- nt -
		2	Hội nghị phí				- nt -
		3	Công tác phí				- nt -
		4	Bưu phí				- nt -
		5	Khánh tiết				- nt -
		6	Tiếp khách				- nt -
		7	Linh tinh				- nt -
IVA			Chi khác	VI			Chi khác
	14		Dân quân tự vệ		66	2	Các khoản chi khác Chi về dân quân du kích và nghĩa vụ quân sự
	15		Nghĩa vụ quân sự				- nt -
IIIA	12		Tài vụ phí			6	Chi khác
		1	Tài vụ thuế nông nghiệp				- nt -
		2	Tài vụ thuế công thương nghiệp				- nt -
IVA	16		Giải thưởng thi đua				- nt -
	17		Các khoản chi khác (phòng hóa, phòng chống bão lụt, sửa chữa nhà trụ sở xã...)				- nt -
VA			Dự bị phí	IX			Tổng dự bị phí
					80		Tổng dự bị phí